

NGÂN HÀNG CÂU HỎI HỌC PHẦN 2

BÀI 1: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Câu 1: Khái niệm “Diễn biến hoà bình”

- A. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính quyền của các nước từ bên trong bằng biện pháp phi vũ trang do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
- B. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ của các nước tiến bộ, từ bên trong bằng biện pháp quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
- C. Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, từ bên trong bằng biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
- D. Cả 3 đều sai.

Câu 2: Thực hiện thủ đoạn “Diễn biến hoà bình” về văn hoá, kẻ thù tập trung tấn công vào:

- A. Truyền thống kinh nghiệm của văn hoá Việt Nam.
- B. Những sản phẩm văn hoá quý báu của chúng ta.
- C. Nền văn hoá mang bản sắc dân tộc Việt Nam.
- D. Bản sắc văn hoá và giá trị văn hoá của dân tộc Việt Nam.

Câu 3: Mục tiêu phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình” là:

- A. Bảo vệ vững chắc nhà nước XHCN.
- B. Giữ vững ổn định chính trị trên cơ sở độc lập dân tộc.
- C. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của quốc gia, dân tộc.
- D. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Câu 4: Nội dung chống phá về chính trị trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”

- A. Phá vỡ hệ thống nguyên tắc tổ chức trong bộ máy Nhà nước ta.
- B. Phá vỡ sự thống nhất của các tổ chức, nhất là tổ chức chính trị.
- C. Phá vỡ sự thống nhất của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- D. Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 5: Nội dung các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá cách mạng Việt Nam về vấn đề dân tộc là:

- A. Lợi dụng các mâu thuẫn của đồng bào dân tộc để kích động.
- B. Lợi dụng những khó khăn ở vùng đồng bào dân tộc ít người và những tồn tại do lịch sử để lại.
- C. Lợi dụng các mâu thuẫn giữa các dân tộc do nhiều nguyên nhân gây ra.
- D. Lợi dụng các hủ tục lạc hậu của đồng bào dân tộc để kích động.

Câu 6: Thực hiện chiến lược “Diễn biến hoà bình”, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng ta để:

- A. Truyền bá mê tín dị đoan và tư tưởng phản động chống chủ nghĩa xã hội.
- B. Truyền đạo trái phép nhằm thực hiện âm mưu tôn giáo hoá dân tộc.
- C. Truyền bá mê tín dị đoan, tập hợp lực lượng để chống phá cách mạng.
- D. Truyền bá mê tín và tổ chức lực lượng khủng bố.

Câu 7: Nội dung chống phá về kinh tế trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

- A. Khích lệ kinh tế tư nhân phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước.
- B. Khích lệ kinh tế 100% vốn nước ngoài phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước.
- C. Khích lệ kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước.
- D. Khích lệ kinh tế tư bản Nhà nước phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước.

Câu 8: Thủ đoạn chống phá trên lĩnh vực đối ngoại trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

- A. Chia rẽ Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tiến bộ.
- B. Chia rẽ Việt Nam với Lào và các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Chia rẽ Việt Nam với Campuchia và các nước tiến bộ.
- D. Chia rẽ Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 9: Bạo loạn lật đổ gồm có những hình thức nào?

- A. Bạo loạn vũ trang, bạo loạn chính trị.
- B. Bạo loạn vũ trang kết hợp với gây rối.
- C. Bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, kết hợp bạo loạn chính trị với vũ trang.
- D. Bạo loạn chính trị kết hợp với gây rối.

Câu 10: Quan điểm trong đấu tranh phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

- A. Là một cuộc đấu tranh dân tộc rất gay go, quyết liệt trên mọi lĩnh vực.
- B. Là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.
- C. Là một cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.
- D. Là một cuộc đấu tranh chính trị giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Câu 11: Nhiệm vụ phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ được xác định là:

- A. Nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, thường xuyên và lâu dài.
- B. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt.
- C. Nhiệm vụ cơ bản lâu dài.
- D. Nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng nước ta.

Câu 12: Phương châm chỉ đạo phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ là:

- A. Phát huy sức mạnh độc lập của các lực lượng trên địa bàn, đấu tranh toàn diện.

- B. Kết hợp chặt chẽ giữa giữ vững bên trong với chủ động ngăn chặn, phòng ngừa và chủ động tiến công.
- C. Củng cố và phát huy sức mạnh của lực lượng vũ trang và an ninh nhân dân.
- D. Xây dựng sức mạnh tổng hợp của các lực lượng đóng trên địa bàn.

Câu 13: Nguyên tắc xử lý khi có bạo loạn diễn ra là:

- A. Nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.
- B. Nhanh gọn, kiên quyết, triệt để, đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.
- C. Nhanh gọn, linh hoạt, khôn khéo, đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.
- D. Kiên quyết, linh hoạt, mềm dẻo, đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.

Câu 14: Giải pháp phòng chống chiến lược diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ:

- A. Đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá, chống nguy cơ tụt hậu kinh tế.
- B. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt.
- C. Đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội.
- D. Xây dựng lòng yêu nước cho tuổi trẻ nhất là học sinh, sinh viên.

Câu 15: Thủ đoạn trên lĩnh vực quốc phòng và an ninh trong chiến lược “Diễn biến hoà bình” là:

- A. Mua chuộc cán bộ cao cấp của quân đội và lực lượng vũ trang.
- B. Phủ nhận vai trò quốc phòng an ninh trong sự nghiệp đổi mới.
- C. Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh.
- D. Chia rẽ quân đội, công an, dân quân tự vệ và bộ đội biên phòng.

Câu 16: Mục đích chống phá tư tưởng - văn hoá trong chiến lược “Diễn biến hoà bình” là:

- A. Xoá bỏ nền tảng tư tưởng XHCN.
- B. Xoá bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- C. Xoá bỏ sự quản lý điều hành của Nhà nước.
- D. Xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Câu 17: Giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân phải mang tính toàn diện, nhưng tập trung vào:

- A. Giáo dục tinh thần, ý thức khởi nghiệp cho giới trẻ.
- B. Giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho công dân.
- C. Giáo dục tình yêu quê hương đất nước; tinh thần cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của kẻ thù; quan điểm, đường lối của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 18: Quan hệ giữa “Diễn biến hoà bình” và bạo loạn lật đổ:

- A. Diễn biến hoà bình là quá trình tạo nên những điều kiện, thời cơ cho bạo loạn lật đổ.
- B. Diễn biến hoà bình là nguyên nhân của bạo loạn lật đổ.
- C. Diễn biến hoà bình tạo thời cơ cho bạo loạn lật đổ.

D. Diễn biến hoà bình là quá trình tạo những điều kiện, thời cơ để kẻ thù tiến hành xâm lược.

Câu 19: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ cần phát huy sức mạnh tổng hợp của:

- A. Toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- B. Toàn dân, toàn quân dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- C. Toàn dân, lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- D. Toàn dân, của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

BÀI 2: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO, ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Câu 1: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, giải quyết vấn đề dân tộc được xác định:

- A. Vừa là quan điểm vừa là phương châm của Nhà nước vô sản.
- B. Vừa là nhiệm vụ vừa là phương thức của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. Vừa là quan điểm vừa là mục tiêu của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 2: Nội dung giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của Lênin:

- A. Các dân tộc phải phân chia đẳng cấp rõ ràng.
- B. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.
- C. Các dân tộc phải tự trị ly khai.
- D. Các dân tộc phải có nền văn hoá chung.

Câu 3: Quan hệ dân tộc, sắc tộc hiện nay trên thế giới vẫn diễn ra phức tạp ở phạm vi:

- A. Châu Phi và châu Mỹ Latinh.
- B. Châu Á và châu Âu.
- C. Các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Quốc gia, khu vực và quốc tế.

Câu 4: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, giải quyết vấn đề dân tộc phải:

- A. Toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng.
- B. Xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.
- C. Xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc Việt Nam với các quốc gia, dân tộc trên thế giới.
- D. Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ cùng phát triển.

Câu 5: Đặc trưng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là:

- A. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú du canh, du cư.
- B. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú tập trung.
- C. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú ở rừng núi.

D. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ.

Câu 6: Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo:

- A. Trào lưu của xã hội phù hợp với tư tưởng, tình cảm, niềm tin của con người.
- B. Quy luật phát triển của đời sống xã hội, được mọi người tin tưởng tham gia.
- C. Quan niệm hoang đường, ảo tưởng, phù hợp với tâm lý, hành vi của con người.
- D. Chuẩn mực đạo đức, truyền thống được con người tiếp nhận tin theo.

Câu 7: Tôn giáo có nguồn gốc từ các yếu tố:

- A. Kinh tế - xã hội, ý thức và hành vi.
- B. Chính trị xã hội, tinh thần và tâm lý.
- C. Kinh tế - xã hội, nhận thức và tâm lý.
- D. Chính trị - xã hội, kinh tế và tinh thần.

Câu 8: Tôn giáo có những tính chất gì?

- A. Tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.
- B. Tính kế thừa, tính phát triển, tính hoàn thiện.
- C. Tính chọn lọc, tính bổ sung, tính phát triển.
- D. Tính kế thừa, tính xây dựng, tính phục vụ.

Câu 9: Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN là:

- A. Quán triệt quan điểm tôn trọng luật pháp.
- B. Quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể.
- C. Quán triệt quan điểm tôn trọng quần chúng.
- D. Quán triệt quan điểm tôn trọng giáo lý.

Câu 10: Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo ở Việt Nam là:

- A. Vận động quần chúng sống “kính chúa yêu nước”.
- B. Vận động quần chúng sống “phúc âm trong lòng dân tộc”.
- C. Vận động quần chúng sống “tốt đời, đẹp đạo”.
- D. Vận động quần chúng sống “từ bi, bác ái”.

Câu 11: Giải pháp phòng, chống hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo là:

- A. Tạo mọi điều kiện cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đối với đất nước.
- B. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo.
- C. Chú trọng công tác giáo dục thuyết phục đối với các già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo.
- D. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn đối phó có hiệu quả đối với những lực lượng phản động.

Câu 12: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa cần:

- A. Tuyệt đối không được bỏ qua vấn đề tôn giáo.

- B. Tuyệt đối không được đưa một tôn giáo trở thành quốc giáo.
- C. Tuyệt đối không được thỏa hiệp, bắt tay với các tôn giáo.
- D. Tuyệt đối không được sử dụng mệnh lệnh hành chính cưỡng chế tuyên chiến, xóa bỏ tôn giáo.

Câu 13: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “... là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ Việt Nam có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trong phạm vi cả nước”.

- A. Ủy ban đoàn kết dân tộc.
- B. Hội liên hiệp các dân tộc.
- C. Hội đồng Dân tộc.
- D. Ủy ban Dân tộc.

Câu 14: Đạo Cao Đài - một tôn giáo nội sinh ở Việt Nam ra đời vào năm nào?

- A. Năm 1925.
- B. Năm 1926.
- C. Năm 1927.
- D. Năm 1928.

Câu 15: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “Lênin khẳng định các dân tộc ... , không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp”.

- A. Cơ bản bình đẳng.
- B. Rất bình đẳng.
- C. Hoàn toàn bình đẳng.
- D. Hoàn toàn bình đẳng về nghĩa vụ.

Câu 16: Hiện nay, Việt Nam có bao nhiêu dân tộc thiểu số?

- A. 50 dân tộc thiểu số.
- B. 51 dân tộc thiểu số.
- C. 52 dân tộc thiểu số.
- D. 53 dân tộc thiểu số.

Câu 17: Dân tộc Khmer ở Việt Nam sinh sống nhiều nhất ở tỉnh nào?

- A. Sóc Trăng.
- B. Trà Vinh.
- C. Bạc Liêu.
- D. An Giang.

Câu 18: Tết Chol Chnam Thmay là tết mừng năm mới của người Khmer thường bắt đầu vào:

- A. Tháng 2 dương lịch.
- B. Tháng 3 dương lịch.
- C. Tháng 4 dương lịch.
- D. Tháng 5 dương lịch.

Câu 19: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “... là những hiện tượng cuồng vọng của con người đến mức mê muội, trái với lẽ phải và hành vi đạo đức, văn hoá cộng đồng, gây hậu quả tiêu cực trực tiếp đến đời sống vật chất tinh thần của cá nhân, cộng đồng xã hội”.

- A. Dị giáo.
- B. Tà giáo.
- C. Đội lốt tôn giáo.
- D. Mê tín dị đoan.

Câu 20: Tôn giáo đã góp phần quan trọng tạo nên hệ thống những chuẩn mực giá trị đạo đức, điều đó thể hiện chức năng gì của tôn giáo?

- A. Chức năng điều chỉnh.
- B. Chức năng điều khiển.
- C. Chức năng thế giới quan.
- D. Chức năng liên kết.

Câu 21: Theo Luật tín ngưỡng, tôn giáo, cơ sở đào tạo tôn giáo phải giảng dạy môn học nào trong chương trình?

- A. Pháp luật Việt Nam.
- B. Lịch sử Việt Nam.
- C. Pháp luật và lịch sử Việt Nam
- D. Văn hóa Việt Nam.

Câu 22: Xu thế lớn trong quan hệ giữa các dân tộc hiện nay là:

- A. Hòa bình, hợp tác và phát triển.
- B. Hòa bình, cạnh tranh, tránh đối đầu.
- C. Bá quyền, bành trướng, tăng cường trừng phạt.
- D. Đe dọa vũ lực, sẵn sàng chiến tranh nếu cần.

Câu 23: Tư tưởng - chân lý “không có gì quý hơn độc lập, tự do” được Bác Hồ đề cập tới trong văn bản nào?

- A. Lời kêu gọi thanh niên cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.
- B. Lời kêu gọi Quân đội nhân dân Việt Nam quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.
- C. Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.
- D. Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ, kiều bào ở nước ngoài quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Câu 24: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “Tôn giáo là một hình thái ... , phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường, ảo tưởng phù hợp với tâm lí, hành vi của con người”.

- A. Kinh tế - xã hội.
- B. Tồn tại xã hội.
- C. Ý thức xã hội.
- D. Ý niệm tuyệt đối.

Câu 25: Trong các thủ đoạn chống phá nước ta, lợi dụng những vấn đề dân tộc, tôn giáo được các thế lực thù địch xác định là:

- A. Trọng tâm.
- B. Then chốt.
- C. Ngòi nổ.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 26: Phương châm của công tác dân vận vùng dân tộc, tôn giáo là:

- A. Chân thành, tích cực, linh hoạt, kiên trì, vững chắc.
- B. Chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, vững chắc.
- C. Chân thành, tích cực, thận trọng, kiên quyết, vững chắc.
- D. Chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, mềm dẻo.

Câu 27: Đâu không phải là tôn giáo nội sinh của Việt Nam?

- A. Phật giáo.
- B. Phật giáo Hòa Hảo.
- C. Đạo Cao Đài.
- D. Tứ ân hiếu nghĩa.

Câu 28: Tôn giáo nào không được Nhà nước công nhận và cấp phép hoạt động tại Việt Nam?

- A. Phật giáo.
- B. Minh sư đạo.
- C. Hội thánh Đức chúa trời mẹ.
- D. Tịnh độ Cư sỹ Phật hội.

Câu 29: Theo Sách trắng tôn giáo và chính sách tôn giáo năm 2023, tôn giáo nào ở Việt Nam hiện nay có số lượng tín đồ đông nhất.

- A. Công giáo.
- B. Phật giáo.
- C. Hồi giáo.
- D. Cao đài.

Câu 30: CHỌN ĐÁP ÁN SAI: Nguồn gốc của tôn giáo là:

- A. Kinh tế - xã hội.
- B. Nhận thức.
- C. Tâm lý.
- D. Tự nhiên.

Câu 31: CHỌN ĐÁP ÁN SAI: Tính chất của tôn giáo là:

- A. Bất biến.
- B. Lịch sử.
- C. Quần chúng.

D. Chính trị.

Câu 32: Thế nào là dân tộc?

- A. Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành theo văn hoá, đặc điểm cư trú, ý thức cộng đồng và tên gọi của dân tộc.
- B. Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành theo phong tục tập quán, ý thức về hành vi và tên gọi của dân tộc.
- C. Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành theo đặc điểm sinh sống, ý thức tập thể và tên gọi của dân tộc.
- D. Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, tạo lập một quốc gia bền vững về lãnh thổ quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hoá...

BÀI 3: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Câu 1: Điền vào chỗ trống cụm từ còn thiếu trong câu sau: “Bảo vệ môi trường là không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành”.

- A. Các biện pháp.
- B. Nội dung cơ bản.
- C. Vấn đề lâu dài.
- D. Công tác phòng ngừa.

Câu 2: Điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau: “Bảo vệ môi trường là hoạt độngcác tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành”.

- A. Phòng ngừa và đấu tranh.
- B. Giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế.
- C. Hạn chế và khắc phục.
- D. Loại bỏ hoàn toàn.

Câu 3: Vai trò của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường là:

- A. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường.
- B. Xử lý hình sự và vi phạm hành chính.
- C. Xử lý trách nhiệm dân sự trong bảo vệ môi trường.
- D. Giải quyết những tranh chấp giữa các chủ thể trong bảo vệ môi trường.

Câu 4: Hình thức xử phạt nào dưới đây thuộc xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường?

- A. Xử lý hình sự.

- B. Xử lý trách nhiệm dân sự trong bảo vệ môi trường.
- C. Xử lý vi phạm hành chính.
- D. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 5: Mặt khách quan của các tội phạm về môi trường được thể hiện như thế nào?

- A. Là sự xâm phạm vào các quy định của Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường.
- B. Là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định.
- C. Dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý.
- D. Những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động.

Câu 6: Yếu tố nào sau đây thuộc mặt chủ quan của tội phạm về môi trường

- A. Là sự xâm phạm vào các quy định của Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường.
- B. Là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định.
- C. Lỗi cố ý hoặc vô ý.
- D. Những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động

Câu 7: Đối tượng tác động của các tội phạm về môi trường chủ yếu là:

- A. Môi trường đất, nước và không khí.
- B. Hệ sinh thái và khu bảo tồn thiên nhiên.
- C. Các loài động vật, thực vật sống trong tự nhiên.
- D. Đất, nước, không khí, hệ sinh thái, đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, các loại động vật, thực vật sống trong tự nhiên.

Câu 8: “Đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam” thuộc nhóm hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nào sau đây?

- A. Nhóm các hành vi hủy hoại tài nguyên.
- B. Nhóm tội phạm hủy hoại hệ sinh thái.
- C. Nhóm các hành vi gây ô nhiễm môi trường.
- D. Nhóm tội phạm hủy hoại tài nguyên đất.

Câu 9: Tội danh nào dưới đây được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) KHÔNG thuộc nhóm các hành vi hủy hoại tài nguyên, môi trường?

- A. Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản.
- B. Tội hủy hoại rừng.
- C. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.
- D. Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam.

Câu 10: Trong mặt chủ quan của tội phạm về môi trường, động cơ và mục đích phạm tội có tính chất gì?

- A. Đơn giản nhưng là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.
- B. Phức tạp và là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.
- C. Đa dạng và là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.
- D. Đa dạng nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

Câu 11: Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là:

- A. Hành vi vi phạm về đa dạng sinh học.
- B. Hành vi xả thải trái pháp luật ra môi trường.
- C. Hành vi dùng thuốc diệt chuột để khai thác thủy sản.
- D. Hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã quý hiếm.

Câu 12: Nguyên nhân, điều kiện khách quan của vi phạm pháp luật về môi trường là:

- A. Ý thức bảo vệ môi trường của các cơ quan, doanh nghiệp và công dân còn kém, chưa tự giác.
- B. Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm.
- C. Nhận thức của một số bộ phận các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn chưa cao.
- D. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà không quan tâm đến bảo vệ môi trường.

Câu 13: Một trong những nguyên nhân, điều kiện chủ quan của vi phạm pháp luật về môi trường là:

- A. Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong phòng, chống tội phạm về môi trường chưa chặt chẽ.
- B. Áp lực tăng trưởng kinh tế ở các địa phương.
- C. Phân định chức năng quản lý nhà nước và phân công trách nhiệm giữa các Bộ, ban ngành còn chồng chéo.
- D. Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường còn thiếu đồng bộ.

Câu 14: Nội dung phòng, chống vi phạm về bảo vệ môi trường là:

- A. Tiến hành các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- B. Chủ thể tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất đa dạng.
- C. Chủ thể tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất phức tạp.
- D. Tuyên truyền cho quần chúng nhân dân nắm được những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường và phòng, chống tội phạm về môi trường.

Câu 15: Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cụ thể là:

- A. Xác định và làm rõ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- B. Biện pháp khoa học - công nghệ.

- C. Biện pháp tuyên truyền, giáo dục.
- D. Sử dụng các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn để phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Câu 16: Tội phạm về môi trường được quy định tại văn bản pháp quy nào?

- A. Hiệp pháp sửa đổi năm 2013.
- B. Luật bảo vệ môi trường năm 2014.
- C. Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
- D. Pháp lệnh quy định về môi trường.

Câu 17: Tội phạm về môi trường được thực hiện bởi chủ thể đặc biệt là ai?

- A. Pháp nhân thương mại.
- B. Người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của Bộ luật hình sự.
- C. Người có chức vụ quyền hạn.
- D. Các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý.

Câu 18: Phần lớn các tội phạm về môi trường thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức nào?

- A. Hình thức lỗi cố ý.
- B. Hình thức lỗi vô ý.
- C. Nhận thức kém về môi trường.
- D. Ý thức kém về môi trường.

Câu 19: Hình thức xử lý hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường gồm những hình thức nào?

- A. Phạt tiền, cảnh cáo, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.
- B. Khiển trách, cảnh cáo, gửi thông báo vi phạm về cơ quan hoặc địa phương.
- C. Phạt tiền và thu giữ tang vật vi phạm.
- D. Cảnh cáo và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

Câu 20: Nguyên nhân của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc về phía đối tượng vi phạm là:

- A. Giải quyết “mâu thuẫn” giữa phát triển kinh tế và đảm bảo việc làm, an sinh xã hội.
- B. Cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân chưa tự giác trong bảo vệ môi trường.
- C. Hệ thống văn bản về bảo vệ môi trường chưa đầy đủ và đồng bộ.
- D. Ý thức coi thường pháp luật, sống thiếu kỷ cương.

Câu 21: Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Xác định rõ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- B. Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về bảo vệ môi trường.
- C. Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các hoạt động tuyên truyền.
- D. Giáo dục các đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường.

Câu 22: Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Nghiên cứu làm rõ những vấn đề có tính quy luật trong hoạt động vi phạm pháp luật của các đối tượng.
- B. Giáo dục, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng vào việc bảo vệ môi trường.
- C. Xây dựng các kế hoạch chủ động hạn chế các nguyên nhân, khắc phục các điều kiện.
- D. Tổ chức lực lượng thực hiện các hoạt động khắc phục nguyên nhân của tội phạm về môi trường.

Câu 23: Trách nhiệm của các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Trực tiếp tham gia thực hiện công tác phòng ngừa và tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác về môi trường.
- B. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công.
- C. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, ban hành quy chế quản lý chất thải y tế; công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế.
- D. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Câu 24: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là trách nhiệm của:

- A. Toàn xã hội.
- B. Viện kiểm sát.
- C. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.
- D. Bộ Tài nguyên và môi trường.

Câu 25: Đặc điểm của phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm.
- B. Chủ thể tham gia rất đa dạng.
- C. Trang bị, cơ sở vật chất kỹ thuật cho lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh chưa được đảm bảo.
- D. Đội ngũ cán bộ, chiến sỹ chưa đủ biên chế ở các cấp Công an.

Câu 26: Trách nhiệm của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Ban hành các Pháp lệnh, Nghị quyết về công tác bảo vệ môi trường trong đó có công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- B. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công.
- C. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, ban hành quy chế quản lý chất thải y tế; công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế.
- D. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Câu 27: Hành vi nào dưới đây không phải là hành vi vi phạm hành chính về môi trường?

- A. Hành vi hủy hoại rừng.
- B. Hành vi vi phạm về bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên.
- C. Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước.
- D. Hành vi vi phạm các quy định về khắc phục sự cố môi trường.

Câu 28: Trách nhiệm của sinh viên trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Xây dựng thức trách nhiệm trong các hoạt động bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên (nước, năng lượng,...).
- B. Phối hợp trong tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm; cảm hóa, giáo dục đối tượng phạm tội về môi trường.
- C. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- D. Tham mưu, đề xuất trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Câu 29: Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì khái niệm “Môi trường” được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

- A. Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên.
- B. Môi trường là các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật.
- C. Môi trường là các yếu tố tự nhiên bao quanh con người có ảnh hưởng đến sự tồn tại của con người.
- D. Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất như đất, nước, không khí ảnh hưởng đến đời sống, sự tồn tại và phát triển của con người.

BÀI 4: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

Câu 1: Vượt đèn đỏ khi tham gia giao thông thuộc loại vi phạm nào dưới đây:

- A. Vi phạm dân sự.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm hành chính.
- D. Vi phạm dân sự, hình sự và hành chính.

Câu 2: Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông nào?

- A. Giao thông đường thủy.
- B. Giao thông đường bộ và đường sắt.
- C. Giao thông đường bộ.
- D. Đường hàng không.

Câu 3: Vai trò của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là:

- A. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của Nhà nước để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
- B. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của Đảng để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
- C. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của Công an Nhân dân để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
- D. Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là ý chí của mặt trận Tổ quốc để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Câu 4: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc khí thở có nồng độ cồn vượt quá quy định cho phép sẽ bị xử phạt vi phạm nào sau đây?

- A. Vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm hành chính và dân sự.

Câu 5: Điền từ còn thiếu vào câu sau: "... có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ Việt Nam chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các chiến lược, đề án quốc gia về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và triển khai các giải pháp liên ngành nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong phạm vi Việt Nam".

- A. Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.
- B. Ủy ban An toàn giao thông toàn quốc.
- C. Bộ Giao thông Vận tải.
- D. Cục Cảnh sát giao thông.

Câu 6: Luật giao thông đường bộ hiện hành đang áp dụng được ký ban hành năm nào?

- A. 2008.
- B. 2013.
- C. 2018.
- D. 2019.

Câu 7: Dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

- A. Tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
- B. Tính nguy hiểm cho xã hội.

C. Tính không có lỗi.

D. Tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, tính nguy hiểm cho xã hội.

Câu 8: Hành vi vượt đèn đỏ khi tham gia giao thông thì bị áp dụng chế tài nào sau đây ?

A. Dân sự, hành chính.

B. Hình sự, hành chính.

C. Hành chính.

D. Dân sự và hình sự.

Câu 9: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “... là cơ quan thường trực của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ủy ban, sử dụng các cơ quan, đơn vị chức năng trực thuộc Bộ để thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia”.

A. Văn phòng Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

B. Bộ Công an.

C. Bộ Xây dựng.

D. Bộ Giao thông vận tải.

Câu 10: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “Thực hiện pháp luật trong lĩnh vực đảm bảo trật tự, an toàn giao thông có ... quyết định trong công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông”.

A. Vị trí.

B. Vai trò.

C. Ý nghĩa.

D. Đóng góp quan trọng.

Câu 11: Trưởng ban An toàn giao thông cấp tỉnh do ai đảm nhiệm?

A. Giám đốc công an tỉnh.

B. Phó chủ tịch UBND tỉnh.

C. Chủ tịch UBND tỉnh.

D. Bí thư tỉnh ủy.

Câu 12: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong nhà trường là trách nhiệm của:

A. Nhà trường.

B. Thầy, cô giáo.

C. Học sinh, sinh viên.

D. Nhà trường, thầy cô giáo, học sinh, sinh viên.

Câu 13: Tốc độ của các loại xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trên đường cao tốc hiện nay không vượt quá:

A. 120km/giờ.

B. 130km/giờ.

C. 140km/giờ.

D. 150km/giờ.

Câu 14: Chủ thể thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là:

- A. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.
- B. Các tổ chức xã hội và tổ chức quần chúng tự quản.
- C. Các cơ quan quản lý kinh tế, giao thông, văn hóa, giáo dục, dịch vụ, du lịch.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 15: Điền từ còn thiếu vào câu sau: *Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện ... quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, TTATXH.*

- A. Nhiệm vụ.
- B. Chức năng.
- C. Vai trò.
- D. Trách nhiệm.

Câu 16: Các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ Luật nào?

- A. Dân sự.
- B. Hành chính.
- C. Hình sự.
- D. Giao thông đường bộ.

Câu 17: Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông có vai trò như thế nào để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội?

- A. Là cơ sở, công cụ pháp lý.
- B. Là cơ sở, đảm bảo.
- C. Quyết định.
- D. Đảm bảo.

Câu 18: CHỌN ĐÁP ÁN SAI: Nguyên nhân, điều kiện của tình hình vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là:

- A. Quản lý nhà nước về hoạt động giao thông còn nhiều yếu kém, hạn chế.
- B. Sự không tương thích giữa các yếu tố cơ bản cấu thành hoạt động giao thông vận tải quốc gia.
- C. Ý thức tham gia giao thông của người dân được nâng cao.
- D. Tác động tiêu cực của các yếu tố thiên nhiên, môi trường đối với người tham gia giao thông.

Câu 19: CHỌN ĐÁP ÁN SAI: Biện pháp cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

- A. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho người dân.

- B. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
- C. Phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.
- D. Phối hợp tốt các ngành, các cấp, các lực lượng và các tổ chức xã hội trong việc thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

BÀI 5: PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC

Câu 1: Hoàn thành câu sau: “*Bảo vệ con người trước hết là ... và tự do của họ*”.

- A. Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm.
- B. Bảo vệ danh dự nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe.
- C. Bảo vệ sức khỏe, danh dự nhân phẩm.
- D. Bảo vệ danh dự nhân phẩm.

Câu 2: Công cụ hữu hiệu nhất để bảo vệ quyền con người là:

- A. Hệ thống pháp luật.
- B. Hệ thống chính trị.
- C. Chuẩn mực đạo đức.
- D. Phát triển kinh tế.

Câu 3: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “*Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ về nhân phẩm và danh dự được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ*”.

- A. Nguy hiểm cho xã hội.
- B. Trái pháp luật.
- C. Có lỗi của con người.
- D. Sai trái.

Câu 4: Nội dung: “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm*” được quy định trong văn bản pháp lý nào?

- A. Hiến pháp năm 2013.
- B. Bộ luật Hình sự năm 2015.
- C. Bộ luật Dân sự năm 2015.
- D. Bộ luật Lao động năm 2019.

Câu 5: Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong:

- A. Bộ luật hình sự.
- B. Bộ luật dân sự.
- C. Bộ luật hành chính.
- D. Pháp lệnh hình sự.

Câu 6: Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách:

- A. Cố ý hoặc vô ý.
- B. Cố ý.
- C. Vô ý nhưng hậu quả nghiêm trọng.
- D. Cả B và C.

Câu 7: Cá nhân, tổ chức nào có quyền xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác?

- A. Không ai có quyền.
- B. Công an.
- C. Viện kiểm sát.
- D. Tòa án.

Câu 8: Nhân phẩm của một con người cụ thể được hiểu là:

- A. Phẩm chất, giá trị của con người.
- B. Phẩm chất, trình độ của con người.
- C. Phẩm chất, nhân cách của con người.
- D. Giá trị, năng lực của con người.

Câu 9: Danh dự là sự coi trọng của dư luận xã hội, dựa trên yếu tố gì?

- A. Giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp của con người.
- B. Giá trị vật chất, đạo đức tốt đẹp của con người.
- C. Giá trị vật chất, tinh thần tốt đẹp của con người.
- D. Giá trị riêng của một con người.

Câu 10: Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- A. Làm cho người đó bị xúc phạm, coi thường, khinh rẻ trong gia đình và ngoài xã hội.
- B. Làm cho người đó được coi trọng, tín nhiệm trong gia đình và ngoài xã hội.
- C. Làm cho người đó ít được coi trọng, tín nhiệm trong gia đình và ngoài xã hội.
- D. Làm cho người đó thường chỉ bị xúc phạm, coi thường, khinh rẻ trong cơ quan ngoài xã hội.

C

â

- u A. Nguyên nhân, điều kiện của tình trạng tội phạm.
- B. Tính chất và mức độ của tình trạng tội phạm.

1

1

:

- C. Bối cảnh lịch sử cụ thể của từng loại tội phạm.
- D. Yếu tố chủ quan nhằm phát sinh tình trạng tội phạm.

C
â

- u A. Tình hình tội phạm diễn biến phức tạp.
- B. Sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường.
- 1 C. Những thiếu sót trong giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ văn hoá của
- 2 người dân.
- : D. Công tác đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan chức năng còn hạn chế.

CHỌN ĐÁP ÁN SAI: Những nhân viên kiểm tra tình hình và quản lý con đường là nhân phẩm của:

- A. Toàn xã hội.
- B. Cơ quan công quyền, các tổ chức tôn giáo.
- C. Cơ quan Nhà nước.
- D. Đảng, chính phủ.

Câu 14: Cơ quan nào chịu trách nhiệm chủ động, kịp thời ban hành các đạo luật, nghị quyết về phòng, chống xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người?

- A. Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp.
- B. Chính phủ và uỷ ban nhân dân các cấp.
- C. Công an, viện kiểm sát, tòa án nhân dân.
- D. Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 15: Cơ quan nào chịu trách nhiệm cụ thể hoá các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thành những văn bản pháp quy hướng dẫn, tổ chức các lực lượng về phòng, chống xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người?

- A. Chính phủ và uỷ ban nhân dân các cấp.
- B. Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp.
- C. Công an, viện kiểm sát, tòa án nhân dân.
- D. Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 16: Lực lượng trực tiếp tổ chức, triển khai các hoạt động về phòng, chống xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người?

- A. Công an nhân dân.
- B. Quân đội nhân dân.
- C. Bộ đội biên phòng.
- D. Lực lượng Hải quân.

Câu 17: Cơ quan nào chịu trách nhiệm giám sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân về phòng, chống xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người?

- A. Viện kiểm sát nhân dân.
- B. Công an nhân dân.
- C. Quân đội nhân dân.
- D. Bộ đội biên phòng.

Câu 18: Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là:

- A. Tích cực, chủ động phát hiện mọi hoạt động của tội phạm và thông báo cho các cơ quan chức năng.
- B. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, giữ quyền công tố.
- C. Sử dụng các biện pháp luật định và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng, trực tiếp tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm.
- D. Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án phòng ngừa tội phạm trong phạm vi cơ quan có hiệu quả.

BÀI 6: AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Câu 1: Điền vào chỗ trống: “... là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

- A. An toàn thông tin mạng.
- B. An ninh mạng.
- C. An toàn thông tin.
- D. An ninh quốc gia.

Câu 2: Điền vào chỗ trống: “... là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin”.

- A. An ninh mạng.
- B. An toàn thông tin mạng.
- C. An toàn thông tin.
- D. An ninh quốc gia.

Câu 3: Luật An ninh mạng hiện hành được Quốc hội thông qua vào năm nào?

- A. 2018.
- B. 2019.
- C. 2020.
- D. 2021.

Câu 4: Luật An ninh toàn thông tin mạng hiện hành được Quốc hội thông qua vào năm nào?

- A. 2015.
- B. 2016.
- C. 2017.
- D. 2018.

Câu 5: Tội phạm công nghệ cao là gì?

- A. Tội phạm quốc tế hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, sử dụng công nghệ cao để phạm tội.
- B. Tội phạm đặc biệt nguy hiểm hoạt động trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam, sử dụng công nghệ cao để phạm tội.
- C. Tội phạm được thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 6: Spam là gì?

- A. Nhắn tin cùng lúc cho nhiều người, gây cảm giác bức xúc cho người nhận tin nhắn.
- B. Gửi tin nhắn liên tục cho một người, gây phiền toái cho người nhận tin nhắn.
- C. Những thông điệp vô nghĩa và gây phiền toái cho người nhận, được gửi đến nhiều người dùng với cùng một nội dung.
- D. Gửi tin nhắn tự động trên nhiều kênh khác nhau.

Câu 7: Các đối tượng chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội thông thường nhằm mục đích gì?

- A. Thực hiện âm mưu chính trị.
- B. Thể hiện trình độ công nghệ thông tin.
- C. Làm rối loạn an ninh quốc gia.
- D. Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, giải quyết thù hằn cá nhân.

Câu 8: Web gồm những trang không được đánh dấu, chỉ mục và không thể tìm kiếm được khi dùng các công cụ tìm kiếm thông thường, được gọi là:

- A. Dark web.
- B. Deep web.
- C. World Wide Web.
- D. Dark web và Deep web.

Câu 9: Hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân sẽ bị xử phạt như thế nào?

- A. Cảnh cáo.
- B. Phạt tiền từ 10 - 20 triệu đồng.
- C. Giáo dục, cải tạo không giam giữ và phạt tiền.

D. Phạt 01 - 03 năm tù và phạt tiền.

Câu 10: “Phishing” là gì?

- A. Hình thức chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội.
- B. Hình thức tín dụng đen.
- C. Hình thức chiếm quyền giám sát camera.
- D. Hình thức kinh doanh hàng cấm.

Câu 11: Lãnh thổ trên không gian mạng là:

- A. Lãnh thổ chưa thể xác định.
- B. Một bộ phận của lãnh thổ quốc gia.
- C. Lãnh thổ đang tranh chấp.
- D. Một bộ phận tách rời với chủ quyền quốc gia

Câu 12: CHỌN ĐÁP ÁN SAI: Đây là biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng?

- A. Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia, các lợi ích và sự nguy hại đến từ không gian mạng
- B. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng.
- C. Hạn chế sử dụng các dịch vụ mạng xã hội.
- D. Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử dụng biện pháp kỹ thuật để khắc phục hậu quả trong trường hợp bị tấn công trên không gian mạng

Câu 13: Cơ quan nào của Quân đội Nhân dân Việt Nam chuyên trách vấn đề an ninh mạng?

- A. Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.
- B. Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng.
- C. Bộ Tổng tham mưu.
- D. Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Câu 14: Nguyên tắc của Việt Nam trong vấn đề hợp tác quốc tế về an toàn thông tin mạng:

- A. Không hợp tác vì có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng.
- B. Hợp tác rất hạn chế, tùy từng thời điểm nhất định.
- C. Hợp tác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.
- D. Hợp tác tùy từng thời điểm nhất định.

Câu 15: Cơ sở pháp lý quy định cụ thể nhất về đảm bảo an toàn thông tin mạng là:

- A. Hiến pháp 2013.
- B. Luật An ninh quốc gia 2004.
- C. Luật An toàn thông tin mạng 2015.
- D. Luật An toàn thông tin mạng 2018.

Câu 16: Hành vi nào trên không gian mạng là hành vi vi phạm pháp luật?

- A. Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội.

- B. Sử dụng cùng lúc nhiều tài khoản mạng xã hội.
- C. Sử dụng tài khoản chưa xác thực.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 17: Trách nhiệm của sinh viên trên không gian mạng:

- A. Tăng thời gian tương tác trên không gian mạng để nắm bắt thông tin kịp thời.
- B. Nhận thức đúng an toàn thông tin, không thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.
- C. Tích cực học tập môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh.
- D. Không sử dụng mạng xã hội.

Câu 18: Hoạt động nào sau đây thường thấy ở Dark web?

- A. Kêu gọi biểu tình, mua bán người.
- B. Quảng cáo, buôn bán hàng giả, bắt động sản.
- C. Phát trực tiếp, trò chơi bạo lực.
- D. Chợ đen, khủng bố, khiêu dâm, lừa đảo.

Câu 19: Ba góc của tam giác bảo mật CIA đối với một thông tin cần bảo vệ gồm:

- A. Tính bí mật, tính toàn vẹn và tính sẵn sàng.
- B. Tính bí mật, tính tuyệt đối, tính sẵn sàng.
- C. Tính tương đối, tính toàn vẹn, tính sẵn sàng.
- D. Tính hệ thống, tính công nghệ, tính an toàn.

Câu 20: Nhận định nào đúng khi nói về tình hình người dùng internet Việt Nam?

- A. Người dùng internet tăng mạnh qua các năm.
- B. Người dùng internet có trình độ học vấn cao.
- C. Người dùng internet hiểu rõ việc đảm bảo an toàn thông tin.
- D. Người dùng internet chủ yếu tập trung ở các đô thị lớn.

Câu 19: Hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng là:

- A. Spam, tin giả, chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội.
- B. Spam, chia sẻ quyền giám sát camera.
- C. Chia sẻ tin chính trị, lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- D. Tất cả đáp án trên.

Câu 21: Bảo vệ an ninh mạng là:

- A. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh quốc gia.
- B. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.
- C. Ngăn chặn tuyệt đối, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.
- D. Phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hình sự các hành vi xâm phạm an ninh mạng.

Câu 22: Hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm được quy định tại Bộ luật Hình sự hiện hành gọi là gì?

- A. Khủng bố mạng.

- B. Tội phạm mạng.
- C. Hành vi đe dọa an ninh mạng.
- D. Người dùng mạng nguy hiểm.

Câu 23: Chính sách của Nhà nước về an ninh mạng là:

- A. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.
- B. Tuyệt đối bảo vệ an ninh mạng trong quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đối ngoại.
- C. Xây dựng không gian mạng lành mạnh, không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- D. Bình đẳng bảo vệ an ninh mạng trong quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đối ngoại.

Câu 24: Điền vào chỗ trống: “... áp dụng các biện pháp để bảo vệ không gian mạng quốc gia; phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng”.

- A. Công an.
- B. Chính phủ.
- C. Nhà nước.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 25: Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

- A. Xúc phạm cơ quan, cá nhân, tổ chức trên mạng xã hội.
- B. Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân;.
- C. Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối an ninh trật tự.
- D. Tuyên truyền, xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân.

Câu 26: Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia gồm:

- A. Hệ thống thông tin chung, bảo quản hiện vật, tài liệu có giá trị.
- B. Hệ thống thông tin quan trọng phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức ở các cấp.
- C. Hệ thống thông tin lưu trữ, xử lý thông tin thuộc bí mật cơ quan.
- D. Hệ thống thông tin quân sự, an ninh, ngoại giao, cơ yếu.

Câu 27: Đây là tình huống nguy hiểm về an ninh mạng?

- A. Xuất hiện thông tin kích động trên không gian mạng.
- B. Tấn công vào hệ thống thông tin quan trọng.
- C. Tấn công thông tin quốc gia trên mạng.
- D. Tấn công mạng nhằm phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia, mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

Câu 28: Thông tin cá nhân là:

- A. Thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể.
- B. Thông tin của từng người.
- C. Thông tin của cá nhân do cơ quan nhà nước quản lý.
- D. Thông tin của cơ quan nhà nước.

Câu 29: Theo Luật An toàn thông tin mạng, việc gửi thông tin trên mạng phải bảo đảm yêu cầu nào sau đây?

- A. Không giả mạo nguồn gốc gửi thông tin.
- B. Tuân thủ quy định của Bộ Công An và quy định khác có liên quan.
- C. Không gửi thông tin cho nhiều người cùng lúc.
- D. Không gửi thông tin về bí mật nhà nước.

Câu 30: Theo Bộ luật Hình sự, tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông có hình phạt tù cao nhất là:

- A. 05 năm.
- B. 10 năm.
- C. 15 năm.
- D. 20 năm.

Câu 31: Cơ quan nào thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng?

- A. Bộ Công an.
- B. Chính phủ.
- C. Bộ Thông tin và Truyền thông.
- D. Ủy ban nhân dân các cấp.

Câu 32: Trách nhiệm tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng trong cơ sở giáo dục đại học thuộc về:

- A. Bộ Công an.
- B. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- C. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- D. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng.

Câu 33: Phần mềm có khả năng gây ra hoạt động không bình thường cho một phần hay toàn bộ hệ thống thông tin hoặc thực hiện sao chép, sửa đổi, xóa bỏ trái phép thông tin lưu trữ trong hệ thống thông tin là:

- A. Phần mềm phá thông tin.
- B. Phần mềm chứa mã độc.
- C. Hệ thống lọc phần mềm độc hại.
- D. Phần mềm độc hại.

Câu 34: Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

- A. Gửi thư điện tử cho các địa chỉ chưa rõ nguồn gốc.

- B. Phát tán thư điện tử, phần mềm, thiết lập hệ thống thông tin mới.
- C. Dừng hoạt động bình thường của hệ thống thông tin hoặc tới khả năng truy nhập hệ thống thông tin của người sử dụng.
- D. Ngăn chặn việc truyền tải thông tin trên mạng, can thiệp, truy nhập, gây nguy hại, xóa, thay đổi, sao chép và làm sai lệch thông tin trên mạng trái pháp luật.

Câu 35: Nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng là:

- A. Cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng.
- B. Cơ quan, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với thông tin do mình xử lý.
- C. Tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải xây dựng và công bố công khai biện pháp xử lý, bảo vệ thông tin cá nhân của tổ chức, cá nhân mình.
- D. Tất cả đáp án đều đúng.

BÀI 7: AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM

Câu 1: Đâu không phải là mối đe dọa an ninh phi truyền thống?

- A. An ninh con người.
- B. An ninh Tổ quốc.
- C. An ninh tài chính.
- D. An ninh năng lượng.

Câu 2: Giải pháp phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay là:

- A. Phối hợp chặt chẽ chống lực lượng gián điệp từ bên ngoài vào và lực lượng phản động bên trong.
- B. Tổ chức lực lượng phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.
- C. Chủ động, tích cực phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.
- D. Tổ chức lực lượng quần chúng rộng rãi xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Câu 3: Thách thức và mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh ở Việt Nam là:

- A. Suy giảm sức mạnh quốc phòng, an ninh của đất nước.
- B. Tạo điều kiện để mở rộng quan hệ hợp tác trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh.
- C. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.
- D. Làm suy giảm sức mạnh sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang

Câu 4: Thách thức và mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam là:

- A. Làm kinh tế suy thoái, kém phát triển, gây ra những hệ lụy nguy hiểm, khó lường.
- B. Tăng cường giao lưu, hợp tác trên lĩnh vực kinh tế.
- C. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- D. Tạo điều kiện phát triển các lĩnh vực kinh tế trọng điểm.

Câu 5: Điền vào chỗ trống: “*Nâng cao ... về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đối với an ninh con người, an ninh cộng đồng*” để phòng ngừa, ứng phó đối với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay.

- A. Nhận thức.
- B. Ý thức.
- C. Hành động.
- D. Khả năng ứng phó.

Câu 6: Điền vào chỗ trống: Giải pháp phòng ngừa, ứng phó đối với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống là: “..... và tăng cường hợp tác quốc tế về phòng ngừa, kiểm soát và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống”.

- A. Thống nhất.
- B. Phát triển.
- C. Mở rộng.
- D. Đẩy mạnh.

Câu 7: Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “*Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các ... với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt*”.

- A. Giải pháp đối phó.
- B. Giải pháp khắc phục, giảm nhẹ.
- C. Giải pháp thích ứng.
- D. Giải pháp ứng phó.

Câu 8: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “*Phát huy sức mạnh tổng hợp của ... và toàn xã hội trong quản trị và kiểm soát các mối đe dọa an ninh phi truyền thống*”.

- A. Các bộ, ban, ngành.
- B. Các bộ, ban, ngành, đoàn thể.
- C. Toàn dân tộc.
- D. Hệ thống chính trị.

Câu 9: Đại hội lần thứ XIII của Đảng đặt ra mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là:

- A. Từ 95% đến 100%.
- B. Từ 90% đến 100%.

C. Từ 92% đến 95%.

D. Từ 90% đến 95%.

Câu 10: Nội dung nào không phải là mối đe dọa an ninh phi truyền thống?

A. Tội phạm công nghệ cao.

B. Ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

C. An ninh năng lượng.

D. Đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Câu 11: Đại dịch Covid 19 là một vấn đề an ninh phi truyền thống ở quy mô nào?

A. Quy mô khu vực.

B. Quy mô châu lục.

C. Quy mô toàn cầu.

D. Cả ba đáp án trên đều sai.

Câu 12: Thế nào là an ninh phi truyền thống?

A. Là an ninh có ảnh hưởng đến mọi mặt của một quốc gia dân tộc.

B. Là an ninh gây nên sự khủng hoảng toàn diện của đời sống xã hội.

C. Là an ninh do các thế lực thù địch trong và ngoài nước tạo ra.

D. Là an ninh do những yếu tố phi chính trị, phi quân sự gây ra.

Câu 13: Nội dung của an ninh phi truyền thống là:

A. Phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng.

B. Cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường.

C. Xuất hiện các loại tệ nạn và tội phạm xã hội.

D. Gây ra những cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 14: Quá trình toàn cầu hóa quốc tế ảnh hưởng đến an ninh phi truyền thống như thế nào?

A. An ninh phi truyền thống ngày càng thu hẹp hơn.

B. An ninh phi truyền thống ngày càng kiểm soát tốt hơn.

C. An ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp hơn.

D. An ninh phi truyền thống ngày càng đậm nét hơn.

Câu 15: Phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống là trách nhiệm:

A. Các nước công nghiệp phát triển.

B. Mang tính toàn cầu.

C. Của lực lượng gìn giữ hòa bình thế giới.

D. Các nước lạc hậu kinh tế kém phát triển.

Câu 16: CHỌN ĐÁP ÁN SAI: Một trong những thách thức của an ninh phi truyền thống đối với nước ta là:

A. Làm cho khoảng cách giàu, nghèo gia tăng.

B. Làm biến đổi khí hậu.

- C. Làm cho nền kinh tế kém phát triển.
- D. Làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Câu 17: Giải pháp phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống là:

- A. Nâng cao cảnh giác giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia.
- B. Nâng cao nhận thức về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.
- C. Nâng cao cảnh giác tích cực tham gia các hoạt động phòng chống.
- D. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát hiện, đấu tranh, ngăn ngừa.

Câu 18: Để chủ động phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam cần:

- A. Phân loại từng lĩnh vực an ninh phi truyền thống với các đặc điểm khác nhau, để xác định những cơ chế, phương thức quản trị phù hợp.
- B. Chủ động và tích cực đầu tư, phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, chăm lo và bảo vệ tốt môi trường sinh thái.
- C. Chủ động xây dựng lực lượng, đầu tư nguồn lực cho quản trị an ninh phi truyền thống, ở từng lĩnh vực, từng địa bàn, từng nội dung cụ thể.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 19: Tăng cường hợp tác quốc tế về phòng ngừa, ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền thống cần:

- A. Chủ động, tích cực hợp tác.
- B. Xây dựng cơ chế lòng tin.
- C. Tăng cường chia sẻ thông tin.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 20: Để phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam cần huy động nguồn lực tài chính từ:

- A. Ngân sách, xã hội hóa
- B. Doanh nghiệp, ngân sách.
- C. Xã hội hóa, doanh nghiệp
- D. Ngân sách, doanh nghiệp, xã hội hóa.